

## **BÁO CÁO**

### **Thường niên năm 2022**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

#### **I. Thông tin chung**

##### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN QUẢNG NINH.
  - + Tên giao dịch quốc tế: Quang Ninh Thermal Power Joint Stock Company.
  - + Tên viết tắt: QNTPJSC.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5700434869 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 16/12/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 31/08/2020.
- Vốn điều lệ: 4.500.000.000.000 (*Bốn nghìn năm trăm tỷ đồng*).
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: Tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 6.162.392.481.785 đồng, bao gồm cả thặng dư vốn cổ phần và vốn khác của chủ sở hữu.
- Địa chỉ: Tổ 33, khu 5, phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.
- Số điện thoại: (0203)3657539; Số fax: (0203)3657540.
- Website: <http://www.quangninhhtpc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: QTP - Mã cổ phiếu của Công ty được Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội cho phép giao dịch chính thức trên sàn giao dịch chứng khoán UpCOM từ ngày 16/3/2017.
- Quá trình hình thành và phát triển:
  - + Ngày 04/02/2002, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh thành lập theo Thông báo số 20/VPCP-TB của Văn phòng Chính phủ theo hình thức Công ty cổ phần nhà nước gồm: Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Tổng Công ty Than Việt Nam, Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các doanh nghiệp khác có năng lực về vốn tham gia thực hiện dự án;

+ Ngày 16/12/2002, Công ty được Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm:

- (i) Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN);
- (ii) Tổng Công ty Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV);
- (iii) Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng (COMA);
- (iv) Tổng Công ty Xuất Nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (VINACONEX);
- (v) Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA).

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;

+ Ngày 23/9/2003, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt dự án đầu tư Nhà máy Nhiệt điện Quảng Ninh (NMD Quảng Ninh) tại văn bản số 1278/CP-CN, gồm những nội dung chính như sau:

- Đồng ý đầu tư NMD Quảng Ninh với công suất 600MW và có tính đến việc đầu tư một số công trình dùng chung cho quy mô công suất 1.200MW;
- Dự án được áp dụng cơ chế ưu đãi đầu tư theo Luật Khuyến khích đầu tư trong nước, dùng vốn vay thương mại của các tổ chức tín dụng nước ngoài và các ngân hàng thương mại trong nước được phép cho Công ty vay vượt 15% vốn tự có của từng ngân hàng đối với dự án này.

+ Ngày 19/05/2004, khởi công san nền NMD Quảng Ninh;

+ Ngày 31/10/2005, ký Hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh;

+ Ngày 02/04/2006, khởi công Nhà máy chính NMD Quảng Ninh;

+ Ngày 16/11/2006, ký Hợp đồng EPC NMD Quảng Ninh 2;

+ Ngày 28/05/2007, khởi công Nhà máy chính NMD Quảng Ninh 2;

+ Ngày 12/05/2009, Tổ máy (TM) số 1 NMD Quảng Ninh chính thức được hòa đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành chạy tin cậy (RTR) vào tháng 3/2010 và được cấp chứng chỉ nghiệm thu tạm thời (PAC) có điều kiện vào tháng 07/2011;

+ Ngày 02/6/2010, TM2 NMD Quảng Ninh được hòa đồng bộ vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 10/2010 và được cấp PAC vào tháng 04/2011;

+ Ngày 01/7/2012, cả 02 TM NMD Quảng Ninh chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;

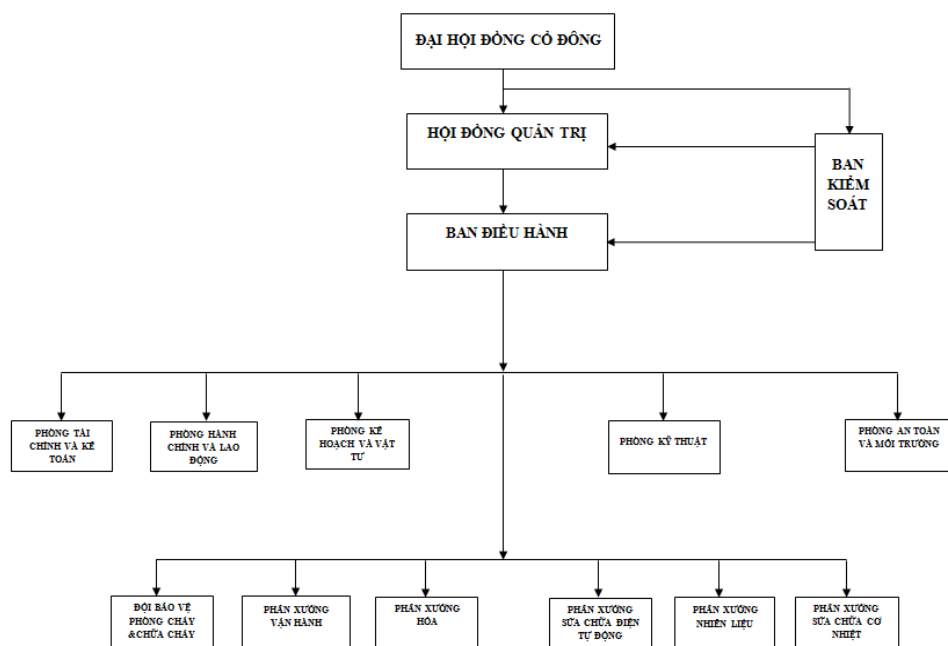
- + Ngày 13/12/2012, TM3 NMĐ Quảng Ninh 2 hòa đồng bộ lần đầu và chính thức phát điện vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 6/2013 và được cấp PAC từ ngày 01/01/2014;
- + Ngày 09/9/2013, TM4 NMĐ Quảng Ninh 2 chính thức hoà đồng bộ lần đầu vào hệ thống điện Quốc gia, hoàn thành RTR vào tháng 01/2014 và được cấp PAC từ ngày 16/03/2014;
- + Ngày 01/6/2015, cả 02 TM NMĐ Quảng Ninh 2 chính thức tham gia thị trường phát điện cạnh tranh;
- + Ngày 13/01/2016, Công ty đã ký kết Hợp đồng mua bán điện số 01/2016/HĐ-NMĐ-QN, hợp nhất hai Hợp đồng mua bán điện NMĐ Quảng Ninh và NMĐ Quảng Ninh 2 với EVN;
- + Ngày 10/01/2022, Công ty có Quyết định số 19/QĐ-NĐQN phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Ninh.

## 2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất kinh doanh điện.
- Địa bàn kinh doanh: Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

## 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.
- Cơ cấu bộ máy quản lý: Gồm có 05 Phòng, 05 Phân xưởng và 01 đội bảo vệ PCCC.



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
  - + Đảm bảo vận hành các TM an toàn - liên tục - kinh tế. Sản lượng điện thương phẩm hàng năm theo thiết kế đạt từ 6,501 tỷ kWh trở lên theo hợp đồng mua bán điện (PPA);
  - + Đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) hàng năm ổn định, có hiệu quả và phân đầu hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch được giao với mức lợi nhuận đạt ở mức hợp lý;
  - + Thực hiện tốt kế hoạch sửa chữa, cải tạo nâng cấp máy móc thiết bị, nâng cao độ sẵn sàng của thiết bị đáp ứng nhu cầu điện năng của Hệ thống điện quốc gia. Tham gia thị trường phát điện cạnh tranh đầy đủ;
  - + Đảm bảo và phát triển vốn của các Cổ đông và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động của Công ty;
  - + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
  - + Bám sát thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm và kế hoạch trung hạn; đem lại lợi ích cao nhất cho các Cổ đông;
  - + Tiếp tục thực hiện tốt công tác sửa chữa bảo dưỡng, củng cố nâng cao độ sẵn sàng, hiệu suất của thiết bị; giảm dần suất hao nhiệt;
  - + Tập trung thực hiện các đề án, dự án liên quan nhằm đảm bảo các thông số môi trường;
  - + Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước; phối hợp tham gia các chương trình an sinh xã hội tại địa phương.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:
  - + Tiếp tục thực hiện các hợp đồng xử lý, tiêu thụ tro bay với các đơn vị bao tiêu xử lý, góp phần giảm thiểu lượng tro xỉ thải lên bãi thải xỉ của Nhà máy cũng như tăng doanh thu cho Công ty;
  - + Vận hành ổn định, liên tục hệ thống kết nối, khai báo số liệu quan trắc môi trường tự động và hệ thống quan trắc nước làm mát bình ngưng theo yêu cầu của UBND tỉnh Quảng Ninh;
  - + Triển khai dự án nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý khí thải nhà máy nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn khí thải của Nhà máy theo Quy chuẩn;
  - + Bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, hướng tới sự

phát triển bền vững và góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

+ Tích cực tham gia vào các chương trình an sinh xã hội của địa phương.

## 5. Các rủi ro

- Tình hình dịch bệnh Covid-19 những tháng đầu năm 2022 trong nước nói riêng và chính sách phòng chống dịch Covid-19 nói chung của các Quốc gia trên thế giới tác động xấu tới hoạt động SXKD của Công ty (khan hiếm nguồn cung, biến động giá cả hàng hóa, dịch vụ);
- Nguồn than cung cấp cho sản xuất điện từ nửa cuối tháng 3/2022 và giai đoạn cuối năm từ các Nhà cung cấp rất khó khăn, căng thẳng do thiếu nguồn cung; Giá than pha trộn ngày càng tăng theo các đợt kê khai giá than của các Nhà cung cấp;
- Diễn biến thời tiết thất thường, không theo quy luật gây khó khăn trong lập lịch vận hành, sửa chữa bảo dưỡng các TM và trong hoạt động chào giá, tham gia Thị trường điện;
- Tình hình xung đột, căng thẳng tại nhiều khu vực trên Thế giới diễn biến ngày càng phức tạp, trên diện rộng, gây tác động xấu đến hoạt động SXKD: khan hiếm nguồn cung, giá nguyên nhiên vật liệu tăng; biến động tỷ giá đồng ngoại tệ (đô la Mỹ)...

## II. Tình hình hoạt động trong năm

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất điện trong năm:
  - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,06 tỷ kWh, bằng 92,3% so với kế hoạch năm và bằng 97,2% so với thực hiện năm 2021;
  - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,42 tỷ kWh, bằng 92,9% so với kế hoạch năm và bằng 97,4% so với thực hiện năm 2021;
  - + Công tác sửa chữa lớn các hạng mục thiết bị chính của TM1 cơ bản hoàn thành.
- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

|   |  |          |         |
|---|--|----------|---------|
| 1 | Lợi nhuận theo kế hoạch<br>(sau thuế TNDN)                 | 435,86   | Tỷ đồng |
| 2 | Lợi nhuận thực hiện<br>(bao gồm CLTG, sau thuế TNDN)       | 764,14   | Tỷ đồng |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối<br>lũy kế đến 31/12/2022 | 1.157,69 | Tỷ đồng |

Công ty có lợi nhuận SXKD (bao gồm CLTG, sau thuế TNDN) đạt 764,14 tỷ đồng, cao hơn 328,28 tỷ đồng so với kế hoạch.

## 2. Tổ chức và nhân sự:

## - Danh sách Ban điều hành:

|           |                                      |   |
|-----------|--------------------------------------|---|
| <b>a)</b> | <b>Ông Ngô Sinh Nghĩa</b>            |   |
| *         | Chức vụ hiện tại:                    | Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                        |
| *         | Giới tính:                           | Nam   |
| *         | Ngày tháng năm sinh:                 | 02/12/1978  |
| *         | Nơi sinh:                            | Quảng Ninh  |
| *         | Quốc tịch:                           | Việt Nam  |
| *         | Dân tộc:                             | Kinh  |
| *         | Quê quán:                            | Kim Sơn, Đông Triều, Quảng Ninh   |
| *         | Địa chỉ thường trú:                  | 719/5, Tổ 70, khu 5, Lán Bè, phường Bạch Đằng, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh           |
| *         | Điện thoại:                          | 0912571155  |
| *         | Trình độ văn hóa:                    | 12/12   |
| *         | Số CCCD:                             | 022078000653 cấp ngày 05/12/2018  |
| *         | Trình độ chuyên môn:                 | Kỹ sư Điều khiển tự động  |
| *         | Quá trình công tác:                  |   |
|           | Từ 08/2002 - 12/2003:                | Công nhân Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh |
|           | Từ 01/2004 - 02/2007:                | Công nhân Nhà máy điện Uông Bí, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh                          |
|           | Từ 03/2007 - 10/2009:                | Chuyên viên phòng Kỹ thuật an toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                   |
|           | Từ 11/2009 - 12/2010:                | Kỹ sư Phân xưởng Điện - Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                      |
|           | Từ 01/2011 - 14/9/2011:              | Trưởng ca vận hành nhà máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                           |
|           | Từ 15/9/2011 - 09/2013:              | Phó trưởng phòng Kỹ thuật An toàn, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                    |
|           | Từ 10/2013 - 10/2014:                | Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng Điện-Tự động Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh        |
|           | Từ 11/2014 - 14/6/2016:              | Quản đốc Phân xưởng Điện-Tự động, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                     |
|           | Từ 15/6/2016 - 15/6/2020:            | Phó Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                                    |
|           | Từ 16/6/2020 đến nay:                | Tổng giám đốc, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh  |
| *         | Số cổ phần hiện đang nắm giữ:        | Đại diện sở hữu: 56.698.147 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1<br>Sở hữu cá nhân: Không   |
| *         | Hành vi vi phạm pháp luật:           | Không   |
| *         | Các khoản nợ đối với Công ty:        | Không   |
| *         | Lợi ích liên quan đối với Công ty:   | Lương và phụ cấp  |
| *         | Số cổ phần những người có liên quan: | Không   |
| <b>b)</b> | <b>Ông Nguyễn Việt Dũng</b>          |   |
| *         | Chức vụ hiện tại:                    | Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                    |

|           |                                      |   |
|-----------|--------------------------------------|---|
| *         | Giới tính:                           | Nam   |
| *         | Ngày tháng năm sinh:                 | 04/01/1968  |
| *         | Nơi sinh:                            | Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  |
| *         | Quốc tịch:                           | Việt Nam  |
| *         | Dân tộc:                             | Kinh  |
| *         | Quê quán:                            | Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  |
| *         | Địa chỉ thường trú:                  | Khu 5, phường Thị Cầu, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh  |
| *         | Điện thoại:                          | 0944042068  |
| *         | Trình độ văn hóa:                    | 12/12   |
| *         | Số CMTND:                            | 125609166 cấp ngày 02/11/2010   |
| *         | Trình độ chuyên môn:                 | - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh<br>- Kỹ sư công nghệ chế tạo máy<br>- Cử nhân Quản trị kinh doanh quốc tế |
| *         | Quá trình công tác:                  |   |
|           | Từ 01/01/2008 - 31/08/2009:          | Phân xưởng Lò - Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí   |
|           | Từ 15/07/2009 - 01/09/2009:          | Tổ trưởng, Phân xưởng Lò-Máy, Công ty Nhiệt điện Uông Bí  |
|           | Từ 01/09/2010 - 31/07/2012:          | Phó phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty Nhiệt điện Uông Bí   |
|           | Từ 01/08/2012 - 31/01/2013:          | Trưởng Phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Uông Bí                                       |
|           | Từ 01/02/2013 - 15/04/2016:          | Phó Trưởng Ban Tổng công ty, Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1                            |
|           | Từ 16/04/2016 - 16/09/2019:          | Phó Giám đốc, Ban Giám đốc, Tổng công ty Phát điện 1  |
|           | Từ 16/09/2019 - 01/03/2020:          | Phó Trưởng Ban Tổng công ty, Ban Kỹ thuật sản xuất, Tổng công ty Phát điện 1                            |
|           | Từ 01/03/2020 đến nay:               | Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh   |
| *         | Số cổ phần hiện đang nắm giữ:        | Đại diện sở hữu: 47.248.456 cổ phần của Tổng công ty Phát điện 1<br>Sở hữu cá nhân: Không               |
| *         | Hành vi vi phạm pháp luật:           | Không   |
| *         | Các khoản nợ đối với Công ty:        | Không   |
| *         | Lợi ích liên quan đối với Công ty:   | Lương và phụ cấp  |
| *         | Số cổ phần những người có liên quan: | Không   |
| *         | Số cổ phần những người có liên quan: | Không   |
| <b>c)</b> | <b>Ông Lê Việt Cường</b>             |   |
| *         | Chức vụ hiện tại:                    | Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh   |
| *         | Giới tính:                           | Nam   |
| *         | Ngày tháng năm sinh:                 | 01/11/1979  |
| *         | Nơi sinh:                            | Trung Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh   |
| *         | Quốc tịch:                           | Việt Nam  |
| *         | Dân tộc:                             | Kinh  |
| *         | Quê quán:                            | Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương   |

|           |                                      |  |
|-----------|--------------------------------------|--|
| *         | Địa chỉ thường trú:                  | SN 07, Ngõ 45, Trưng Nhị, Trưng Vương, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh                  |
| *         | Điện thoại:                          | 0913370971   |
| *         | Trình độ văn hóa:                    | 12/12  |
| *         | Số CMTND:                            | 100697912 cấp ngày 22/8/2011 tại Quảng Ninh  |
| *         | Trình độ chuyên môn:                 | - Kỹ sư Công nghệ nhiệt<br>- Cử nhân quản trị kinh doanh                                   |
| *         | Quá trình công tác:                  |  |
|           | Từ 02/2004 - 11/2014:                | Công tác tại Công ty Nhiệt điện Uông Bí  |
|           | Từ 12/2014 - 19/3/2015:              | Kỹ thuật viên Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                     |
|           | Từ 20/03/2015 - 06/09/2015:          | Phó Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                     |
|           | Từ 07/09/2015 - 06/09/2019:          | Quản đốc, Phân xưởng Lò máy, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                         |
|           | Từ 01/03/2017 - 15/11/2017:          | Phó trưởng phòng phụ trách, Phòng Kỹ thuật sản xuất, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh |
|           | Từ 16/11/2017 - 24/3/2019:           | Trưởng phòng, Phòng Kỹ thuật, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                        |
|           | Từ ngày 25/3/2019 đến nay:           | Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                                    |
| *         | Số cổ phần hiện đang nắm giữ:        | Không  |
| *         | Hành vi vi phạm pháp luật:           | Không  |
| *         | Các khoản nợ đối với Công ty:        | Không  |
| *         | Lợi ích liên quan đối với Công ty:   | Lương và phụ cấp   |
| *         | Số cổ phần những người có liên quan: | Không  |
| *         | Số cổ phần những người có liên quan: | Không  |
| <b>d)</b> | <b>Ông Trần Vũ Linh</b>              |  |
| *         | Chức vụ hiện tại:                    | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                                       |
| *         | Giới tính:                           | Nam  |
| *         | Ngày tháng năm sinh:                 | 02/10/1985   |
| *         | Nơi sinh:                            | Quảng Yên, thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh   |
| *         | Quốc tịch:                           | Việt Nam   |
| *         | Dân tộc:                             | Kinh   |
| *         | Quê quán:                            | Phù Long, Mỹ Lộc, Nam Định   |
| *         | Địa chỉ thường trú:                  | Cao Thắng, Hạ Long, Quảng Ninh   |
| *         | Điện thoại:                          | 0946751188   |
| *         | Trình độ văn hóa:                    | 12/12  |
| *         | Số CMTND:                            | 100842901 cấp ngày 09/12/2009 tại Quảng Ninh   |
| *         | Trình độ chuyên môn:                 | - Thạc sĩ Quản lý kinh tế<br>- Cử nhân Kế toán doanh nghiệp                                |
| *         | Quá trình công tác:                  |  |
|           | Từ 12/2007 - 19/3/2015:              | Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                 |
|           | Từ 20/3/2015 - 24/4/2016:            | Phó trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                  |
|           | Từ 25/4/2016 - 02/2017:              | Phó Trưởng phòng, Phụ trách phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh |



|   |                                      |   |
|---|--------------------------------------|---|
|   | Từ 01/3/2017 - 15/11/2017:           | Trưởng phòng Tài chính kế toán, Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh |
|   | Từ 16/11/2017 đến nay:               | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh                  |
| * | Số cổ phần hiện đang nắm giữ:        | Không   |
| * | Hành vi vi phạm pháp luật:           | Không   |
| * | Các khoản nợ đối với Công ty:        | Không   |
| * | Lợi ích liên quan đối với Công ty:   | Lương và phụ cấp  |
| * | Số cổ phần những người có liên quan: | Không   |

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Không.
- Số lượng cán bộ, nhân viên: Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại thời điểm 31/12/2022 là 846 người.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có.
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

4. Tình hình tài chính

- a) Tình hình tài chính

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| Chỉ tiêu  | Năm 2021  | Năm 2022   | % tăng giảm |
|---|-----------|------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản                            | 8.909.692 | 8.050.555  | -9,6        |
| Doanh thu thuần<br>(mã số 10)                   | 8.570.584 | 10.417.177 | 21,5        |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh<br>(mã số 30) | 621.198   | 808.889    | 30,2        |
| Lợi nhuận khác<br>(mã số 40)                    | -3.945    | -4.089     | -3,7        |
| Lợi nhuận trước thuế<br>(mã số 50)              | 617.253   | 804.800    | 30,4        |
| Lợi nhuận sau thuế<br>(mã số 60)                | 578.015   | 764.136    | 32,2        |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức                      | 16%       |            |             |

- b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu  | 2021  | 2022  |
|---|-------|-------|
| <b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>                                |       |       |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn<br>(Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn):            | 2,74  | 2,38  |
| + Hệ số thanh toán nhanh<br>(Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn): | 2,42  | 2,13  |
| <b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:</b>   |       |       |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản (lần)   | 0,31  | 0,23  |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (lần)   | 0,44  | 0,31  |
| <b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>                                  |       |       |
| + Vòng quay hàng tồn kho  | 16,10 | 22,84 |

| Các chỉ tiêu   | 2021 | 2022  |
|--|------|-------|
| Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (lần)<br>+ Vòng quay tài sản | 0,88 | 1,23  |
| Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân (lần)                        |      |       |
| <b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>                              |      |       |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)                       | 6,74 | 7,34  |
| + hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (%)                        | 9,37 | 12,40 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (%)                          | 6,49 | 9,49  |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)        | 7,25 | 7,76  |

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

a) Cổ phần: 450.000.000 cổ phần chuyển nhượng tự do.

b) Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt cổ đông tại ngày 24/02/2023

| TT  | Tên cổ đông        | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần<br>năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ<br>(%) |
|-----|--------------------|------------------|-----------------------------|----------------------|
| I.  | Cổ đông trong nước | 5.966            | 446.075.400                 | 99,128               |
| 1.  | Tổ chức            | 40               | 403.705.751                 | 89,712               |
| 2.  | Cá nhân            | 5.926            | 42.369.649                  | 9,415                |
| II. | Cổ đông nước ngoài | 22               | 3.924.600                   | 0,872                |
| 1.  | Tổ chức            | 5                | 3.897.700                   | 0,866                |
| 2.  | Cá nhân            | 17               | 26.900                      | 0,006                |
|     | <b>Tổng cộng:</b>  | <b>5.988</b>     | <b>450.000.000</b>          | <b>100</b>           |

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Trong năm 2022, Công ty không thay đổi vốn điều lệ.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm:

- Tổng lượng than đốt là 3.499.937,83 tấn.
- Tổng lượng dầu đốt kèm và khởi động là 12.083,82 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính: Không có.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Năng lượng nhiệt tỏa ra thông qua quá trình đốt than, dầu trong lò hơi.
- Năng lượng điện để phục vụ công tác bảo dưỡng, sửa chữa và phát điện là 8,98% (tương đương 633.926.236 kWh).

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiếp tục thực hiện chương trình tiết kiệm điện tự dùng trong nhà máy và thực hiện định kỳ kiểm toán năng lượng TM theo quy định của Bộ Công thương.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Tiếp tục chuyển đổi các thiết bị tiêu thụ điện truyền thống sang tiết kiệm năng lượng.
- Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMTĐ Quảng Ninh 2021-2025.
- Áp dụng các cải tiến, sáng kiến, ứng dụng chuyển đổi số trong năm, giảm tiêu hao nguyên, nhiên vật liệu và điện tự dùng.
- Kết quả:
  - + Tỷ lệ điện tự dùng thực hiện bình quân năm 2022 (9,40%), thấp hơn định mức PPA;
  - + Suất tiêu hao dầu FO thực hiện bình quân năm 2022 (1,88 g/kWh), thấp hơn định mức PPA.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nước ngọt: Công ty ký Hợp đồng mua nước với Công ty Cổ phần Nước sạch Quảng Ninh từ nguồn nước ngọt Hồ Cao Vân, lượng nước ngọt sử dụng trong năm là 2.211.154 m<sup>3</sup>.
- Nước tuần hoàn: lượng nước sử dụng trong năm là 1.213.872.156 m<sup>3</sup> được lấy từ sông Diễn Vọng.

b) Tỷ lệ phân trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Nước sau xử lý của hệ thống nước thải công nghiệp được đưa vào sử dụng tại hệ thống tái chế, tổng lượng nước tái chế là 44.230 m<sup>3</sup>, chiếm 20%.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lượng lao động của Công ty tính đến 31/12/2022 là 846 người.
- Mức lương bình quân toàn Công ty năm 2022 là 26,2 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Điều kiện làm việc, đảm bảo an toàn: Tổ chức các khu vực làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty đã trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân theo quy định của Nhà nước như: Quần áo bảo hộ lao động, mũ, găng tay, khẩu trang, ủng,... và tổ chức bộ phận chuyên trách về công tác an toàn lao động và xây dựng hệ thống mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm đảm bảo cao nhất an toàn lao động.
- Chế độ bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp được Công ty thực hiện đúng theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.
- Chế độ chăm sóc sức khỏe: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ khám sức khỏe định kỳ; khám phát hiện bệnh nghề nghiệp; đo, kiểm tra môi trường lao động; tổ chức cấp phát hiện vật bồi dưỡng cho lao động làm việc trong môi trường độc hại, nguy hiểm; tổ chức cho người lao động đi nghỉ dưỡng sức, phục hồi chức năng để tái tạo sức lao động theo quy định. Bộ phận y tế của Công ty luôn thường trực 24/24h để cấp thuốc, sơ cứu những rủi ro về sức khỏe người lao động.
- Công ty thường xuyên phối hợp với công đoàn cơ sở, công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ về vật chất, tinh thần cho người lao động gặp hoàn cảnh khó khăn, bệnh tật.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

- Công ty chú trọng nâng cao hiệu quả quản lý lao động, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực. Tập trung công tác đào tạo theo chiều sâu để nâng cao chất lượng lao động. Nâng cao chất lượng đào tạo từ các khâu nội dung chương trình, chất lượng giảng viên và chú trọng khâu kiểm tra, sát hạch sau quá trình đào tạo; người lao động thông thạo nhiều kỹ năng công việc, có khả năng đảm nhiệm nhiều vị trí.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2022, Công đoàn Công ty phối hợp cùng chuyên môn Công ty đã thực hiện:

- Quan tâm hỗ trợ tại địa phương, thành phố Hạ Long và phường, xã nơi Công ty đóng chân các hoạt động như: Hỗ trợ các cháu nhiễm F0 đang điều trị của thành phố Hạ Long; công tác phòng chống dịch phường Hà Khánh, xã Thống Nhất; Thăm tặng quà cho các hộ khó khăn, gia đình chính sách trong các dịp lễ tết tại địa phương; Ủng hộ huyện Bình Liêu; Ủng hộ Chương trình trồng rừng lim, giổi, lát trên địa bàn thành phố Hạ

Long; Ủng hộ quỹ vì người nghèo trung ương và quỹ người nghèo thành phố Hạ Long... với tổng số tiền là 446,25 triệu đồng.

- Tham gia Ngày hội thể thao văn hóa tỉnh Quảng Ninh lần thứ X- năm 2022 với 32 vận động viên tham gia 06/06 môn thể thao do LĐLĐ tỉnh Quảng Ninh tổ chức.
- Triển khai vận động quyên góp ủng hộ Quỹ tương trợ xã hội EVN năm 2022 trong CBCNV, NLĐ Công ty với số tiền là 154,172 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa có.

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng chỉ tiêu chính thực hiện năm 2022

| TT | Nội dung                    | Đơn vị tính | KH năm 2022 | TH năm 2022 | So sánh (%) |
|----|-----------------------------|-------------|-------------|-------------|-------------|
| 1  | Sản lượng điện sản xuất     | Tỷ kWh      | 7,644       | 7,059       | 92,3        |
| 2  | Sản lượng điện bán cho EVN  | Tỷ kWh      | 6,917       | 6,425       | 92,9        |
| 3  | Tổng doanh thu              | Tỷ đồng     | 9.580,13    | 10.452,73   | 109,1       |
| 4  | Tổng chi phí                | Tỷ đồng     | 9.121,33    | 9.647,93    | 105,8       |
| 7  | Tổng lợi nhuận (trước thuế) | Tỷ đồng     | 458,80      | 804,80      | 175,4       |
| 8  | Tổng lợi nhuận (sau thuế)   | Tỷ đồng     | 435,86      | 764,14      | 175,3       |
| 9  | Cổ tức                      | Tỷ đồng     | 450,00      |             |             |

Với không ít khó khăn thách thức trong năm 2022; tuy nhiên Công ty đã cơ bản đạt các chỉ tiêu kế hoạch năm (trừ chỉ tiêu suất hao nhiệt vẫn ở mức cao hơn định mức PPA do trong năm 2022 Nhà máy phải sử dụng nhiều chủng loại than, bao gồm cả than pha trộn nhập khẩu gây khó khăn trong công tác phối trộn, điều chỉnh chế độ cháy của lò). Để có được kết quả này, Công ty đã thực hiện các biện pháp:

- Đề ra các kế hoạch, mục tiêu hoạt động ngay từ đầu năm.
- Thực hiện các giải pháp để tiến hành công tác sửa chữa lớn TM1; Chú trọng, tăng cường công tác quản lý, sửa chữa bảo dưỡng thiết bị; Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu suất vận hành NMD Quảng Ninh 2021-2025.
- Thực hiện tối ưu hóa chi phí trong mua sắm và sản xuất; nâng cao năng suất lao động.
- Chủ động và linh hoạt trong tham gia Thị trường điện phát điện cạnh tranh trong bối cảnh diễn biến thời tiết năm 2022 có nhiều bất thường.

- Nâng cao năng lực và hiệu quả, hiệu lực công tác điều hành; thực hiện đồng bộ các giải pháp kỹ thuật tối ưu; tiếp tục cập nhật hoàn thiện cơ chế tiền lương.
- Công tác tự kiểm tra và kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro được tăng cường trong các lĩnh vực hoạt động quản lý, đặc biệt là trong công tác đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị, giám sát trong vận hành và sửa chữa.
- Duy trì việc chấp hành chế độ chính sách của Nhà nước, các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị Công ty.

## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| <b>Nội dung</b>           | <b>2021</b>      | <b>2022</b>      | <b>% biến động</b> |
|---------------------------|------------------|------------------|--------------------|
| <b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>   | <b>3.639.291</b> | <b>3.732.467</b> | <b>2,6</b>         |
| Tiền và tương đương tiền  | 205.807          | 23.917           | -88,4              |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 951.500          | 771.500          | -18,9              |
| Phải thu khách hàng       | 2.037.330        | 2.503.117        | 22,9               |
| Trả trước cho người bán   | 679              | 667              | -1,8               |
| Các khoản phải thu khác   | 206.077          | 200.693          | -2,6               |
| Dự phòng phải thu khó đòi | (188.986)        | (189.119)        | 0,1                |
| Hàng tồn kho              | 426.409          | 391.031          | -8,3               |
| Tài sản lưu động khác     | 475              | 30.661           | 6.354,9            |
| <b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>    | <b>5.270.401</b> | <b>4.318.088</b> | <b>-18,1</b>       |
| Phải thu dài hạn          |                  |                  |                    |
| Tài sản cố định           | 5.195.497        | 4.242.271        | -18,3              |
| Đầu tư tài chính dài hạn  |                  |                  |                    |
| XDCB dở dang              | 5.084            | 5.084            | 0,0                |
| Tài sản dài hạn khác      | 69.820           | 70.733           | 1,3                |
| <b>TỔNG TÀI SẢN</b>       | <b>8.909.692</b> | <b>8.050.555</b> | <b>-9,6</b>        |

Tổng tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 8.050.555 triệu đồng, giảm 9,6% so với thời điểm 31/12/2021.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2022 là 3.732.467 triệu đồng, tăng 2,6% so với thời điểm ngày 31/12/2021, chủ yếu do khoản mục Phải thu khách hàng, Tài sản lưu động khác lần lượt tăng 22,9% và 6.354,9%;

### b) Tình hình nợ phải trả

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

| <b>Nội dung</b>          | <b>2021</b>      | <b>2022</b>      | <b>% biến động</b> |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------------|
| <b>NỢ PHẢI TRẢ</b>       | <b>2.739.150</b> | <b>1.888.163</b> | <b>-31,1</b>       |
| <b>Nợ ngắn hạn</b>       | <b>1.329.379</b> | <b>1.566.927</b> | <b>17,9</b>        |
| Phải trả người bán       | 437.002          | 606.822          | 38,9               |
| Người mua trả tiền trước | 0,24             |                  | -100,0             |
| Vay và nợ ngắn hạn       | 749.692          | 776.186          | 3,5                |
| Thuế phải nộp            | 3.938            | 2.235            | -43,2              |

| <b>Nội dung</b>            | <b>2021</b>      | <b>2022</b>    | <b>% biến động</b> |
|----------------------------|------------------|----------------|--------------------|
| Phải trả người lao động    | 87.452           | 134.331        | 53,6               |
| Chi phí phải trả           | 18.333           | 9.731          | -46,9              |
| Các khoản phải trả khác    | 2.525            | 4.407          | 74,5               |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | 0                |                |                    |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi   | 30.436           | 33.216         | 9,1                |
| <b>Nợ dài hạn</b>          | <b>1.409.771</b> | <b>321.235</b> | <b>-77,2</b>       |
| Vay và nợ dài hạn          | 1.409.771        | 321.235        | -77,2              |

Tổng nợ phải trả tại 31/12/2022 của Công ty giảm 31,1% tương đương 850.987 triệu đồng so với thời điểm 31/12/2021, trong đó khoản mục nợ dài hạn giảm 77,2% và khoản mục nợ ngắn hạn tăng 17,9%.

### 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty tiếp tục kiện toàn nhân sự thành viên Hội đồng quản trị trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; rà soát điều chỉnh quy hoạch, quy hoạch bổ sung các vị trí cán bộ quản lý; Rà soát, đánh giá để bổ nhiệm/bổ nhiệm lại các vị trí cán bộ quản lý theo quy chế về công tác cán bộ.

Công ty tiếp tục cập nhật các thông tin bổ sung/số hóa các quy chế quản lý nội bộ; thực hiện công tác kiểm tra giám sát nội bộ và quản trị rủi ro.

### 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Tiếp tục thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy, khả dụng, giảm suất tiêu hao than và trả công suất TM về định mức; từng bước thay thế các thiết bị có chất lượng tốt hơn, ổn định hơn.

Hoàn thành công tác sửa chữa lớn TM theo đúng kế hoạch, tiến độ, đảm bảo chất lượng đề ra.

Rà soát bổ sung quy hoạch cán bộ, luân chuyển các vị trí chức danh, tiếp tục chú trọng công tác đào tạo cán bộ, hướng tới nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng năng suất lao động để Công ty ổn định phát triển một cách bền vững.

Tiếp tục áp dụng các ứng dụng ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa, chuyển đổi số trong quản lý điều hành và sản xuất.

Triển khai công tác nâng cấp cải tạo hệ thống xử lý khí thải của nhà máy; chuyển đổi dầu FO sang DO, thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, truyền dữ liệu giám sát khí thải, nước thải tới cơ quan giám sát và chú trọng công tác bảo vệ môi trường nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường tại khu vực theo quy định.

Duy trì phối hợp với chính quyền địa phương, Tổng công ty Phát điện 1 và Tập đoàn điện lực Việt Nam thực hiện tốt công tác an sinh xã hội.

### 5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Không.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Trong năm, Công ty luôn luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường các chỉ tiêu môi trường của Nhà máy như khí thải, nước thải ... nằm trong giới hạn cho phép.
- Các thông số môi trường của Nhà máy được cơ quan quản lý nhà nước (Sở TNMT) quan trắc, giám sát tự động.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Người lao động được đảm bảo mức thu nhập, chế độ bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe, điều kiện làm việc theo quy định của Pháp luật.
- Công ty thường xuyên phối hợp với Công đoàn cơ sở, Công đoàn bộ phận hỗ trợ giúp đỡ người lao động cả về vật chất, tinh thần; cơ chế thưởng, phạt công khai, minh bạch đã góp phần giúp người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của Công ty với cộng đồng địa phương:

- Trong năm 2022, Công ty cùng các cấp, ngành, cơ quan đoàn thể trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đã thực hiện nghĩa vụ với cộng đồng địa phương và các hoạt động đầu tư, phát triển cộng đồng bằng nhiều việc làm cụ thể như hỗ trợ sửa chữa đường điện cho các hộ dân thuộc diện khó khăn trên địa bàn thôn Lương Kỳ, xã Thống Nhất, thành phố Hạ Long; Phối hợp với chính quyền các địa phương hỗ trợ kinh phí/người dân trong phòng chống dịch Covid-19 đầu năm 2022; Thăm tặng quà các hộ khó khăn/các cháu thiếu nhi, gia đình chính sách trong các dịp lễ tết; Ủng hộ Chương trình trồng rừng lim, giổi, lát trên địa bàn thành phố Hạ Long; Ủng hộ quỹ vì người nghèo trung ương và quỹ người nghèo thành phố Hạ Long; Duy trì phối hợp trong công tác an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy tại địa phương.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị (HĐQT) về hoạt động của Công ty**

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

- Về sản xuất kinh doanh:
  - + Tổng sản lượng điện sản xuất đạt 7,06 tỷ kWh, bằng 92,3% so với kế hoạch năm và bằng 97,2% so với thực hiện năm 2021;
  - + Tổng sản lượng điện thương phẩm đạt 6,42 tỷ kWh, bằng 92,9% so với kế hoạch năm và bằng 97,4% so với thực hiện năm 2021;



- + Công tác sửa chữa lớn các hạng mục thiết bị chính của TM1 cơ bản hoàn thành.
  - Về công tác Thị trường điện: Công ty đã hoàn thành tốt công tác vận hành thị trường điện và mang lại hiệu quả kinh tế trong năm 2022. Trong công tác thanh toán tiền bán điện, Công ty đã lập hồ sơ thanh toán đảm bảo đúng tiến độ và tính chính xác của số liệu thanh toán với Công ty mua bán điện.
  - Về công tác tài chính: Công ty tiếp tục thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo hoạt động này luôn luôn minh bạch và tuân thủ pháp luật. Công ty đã cân đối, tối ưu dòng tiền để thanh toán các chi phí phát sinh cho hoạt động SXKD; trong năm không phát sinh vay lưu động.
  - Về việc quyết toán các dự án hoàn thành:
    - + NMD Quảng Ninh 1: Công ty đã hoàn thành công tác quyết toán dự án hoàn thành;
    - + NMD Quảng Ninh 2: Hiện đang được các cấp thẩm quyền thẩm tra hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành.
2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc Công ty
- Theo định hướng của HĐQT, Ban điều hành Công ty đứng đầu là Tổng giám đốc đã thực hiện nhiều giải pháp trong sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và linh hoạt trong thực hiện kế hoạch sửa chữa lớn trong năm. Các TM đã vận hành ổn định, tin cậy và chủ động linh hoạt tham gia thị trường phát điện. Kết thúc năm 2022, mục tiêu lợi nhuận SXKD của Công ty đạt vượt so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao.
  - Trong vấn đề quản lý và điều hành SXKD, Ban Điều hành Công ty tiếp tục thực thi cơ chế thưởng phạt rõ ràng, công khai, góp phần nâng cao ý thức trách nhiệm và phấn đấu trong từng CBCNV nâng cao năng suất lao động.
  - Các hoạt động nghiên cứu sáng kiến, cải tiến; ứng dụng chuyển đổi số, số hóa được lan tỏa, tạo không khí thi đua trong từng đơn vị, từng vị trí lao động góp phần chủ động, linh hoạt trong công việc.
3. Các kế hoạch định hướng của hội đồng quản trị
- Trên cơ sở Nghị quyết số 58/NQ-NĐQN ngày 26/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022; HĐQT đã ban hành Quyết định 596/QĐ-NĐQN ngày 29/4/2022 phê duyệt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 của Công ty.
  - HĐQT tiếp tục đồng hành cùng Ban điều hành trong các hoạt động/định hướng của Công ty theo Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và phân cấp của HĐQT, song song duy trì công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện

kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ của Ban điều hành theo Nghị quyết HĐQT, các kiến nghị của Ban kiểm soát và các Đoàn thanh, kiểm tra. Chủ tịch HĐQT trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất hàng tuần với Ban điều hành cũng như làm việc trực tiếp với Ban Điều hành để kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết HĐQT, đánh giá, đôn đốc và chỉ đạo kịp thời để giải quyết các vướng mắc tồn tại trong quá trình thực hiện.

- Tiếp tục nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý của Ban điều hành và bộ máy lãnh đạo của các đơn vị thông qua việc thực hiện các giải pháp về tổ chức, nhân sự và nghiêm túc tuân thủ các quy chế quản lý nội bộ.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (ngày chốt danh sách sở hữu 24/02/2023):

|    |                                |   |
|----|--------------------------------|---|
| 1. | <b>Ông Nguyễn Tuấn Anh</b>     | + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP)<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 18,9%  |
| 2. | <b>Ông Ngô Sinh Nghĩa</b>      | + Thành viên HĐQT; Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP)<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 12,6%   |
| 3. | <b>Ông Nguyễn Việt Dũng</b>    | + Thành viên HĐQT; Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh (QTP)<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,5%   |
| 4. | <b>Ông Nguyễn Quang Huy</b>    | + Thành viên HĐQT<br>+ Đại diện phần vốn của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 16,4%  |
| 5. | <b>Ông Đặng Huy Vũ</b>         | + Thành viên HĐQT<br>+ Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Điện lực TKV - CTCP (DTK)<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 10,6%  |
| 6. | <b>Ông Trần Đức Hùng</b>       | + Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 26/4/2022)<br>+ Đại diện phần vốn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước (SCIC)<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 11,4% |
| 7. | <b>Bà Nguyễn Thị Hồng Loan</b> | + Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 26/4/2022   |

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

## c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2022, HĐQT đã tổ chức 07 phiên họp và đã ban hành các Nghị quyết như sau:

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung  |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 1   | 01/NQ-HĐQT                   | 10/01/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu   |
| 2   | 02/NQ-HĐQT                   | 10/01/2022 | Nghị quyết về các nội dung liên quan đến SXKD   |
| 3   | 03/NQ-HĐQT                   | 11/01/2022 | Nghị quyết họp HĐQT phiên 01 năm 2022   |
| 4   | 04/NQ-HĐQT                   | 26/01/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu   |
| 5   | 05/NQ-HĐQT                   | 26/01/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu   |
| 6   | 06/NQ-HĐQT                   | 26/01/2022 | Nghị quyết về tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2021   |
| 7   | 07/NQ-HĐQT                   | 26/01/2022 | Nghị quyết về các nội dung liên quan đến SXKD   |
| 8   | 08/NQ-HĐQT                   | 26/01/2022 | Nghị quyết về các nội dung liên quan đến SXKD   |
| 9   | 09/NQ-HĐQT                   | 08/02/2022 | Nghị quyết về tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2021   |
| 10  | 10/NQ-HĐQT                   | 14/02/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu   |
| 11  | 11/NQ-HĐQT                   | 17/02/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu   |
| 12  | 12/NQ-HĐQT                   | 17/02/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu   |
| 13  | 13/NQ-HĐQT                   | 17/02/2022 | Nghị quyết về phê duyệt chế độ phụ cấp y sỹ, bác sỹ thực hiện theo dõi, hỗ trợ COVID 19     |
| 14  | 14/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết về phê duyệt chế độ phòng, chống dịch COVID 19 cho người lao động                |
| 15  | 15/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết về thông qua trích lập dự phòng chi phí trung dụng                               |
| 16  | 16/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 2 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 17  | 17/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 2 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 18  | 18/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 2 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 19  | 19/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 2 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 20  | 20/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 2 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 21  | 21/NQ-HĐQT                   | 07/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 2 về các nội dung liên quan đến SXKD                          |
| 22  | 23/NQ-HĐQT                   | 08/3/2022  | Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 |
| 23  | 24/NQ-HĐQT                   | 08/3/2022  | Nghị quyết về thực hiện tạm ứng cổ tức bằng tiền năm 2021)                                  |
| 24  | 25/NQ-HĐQT                   | 24/3/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu   |
| 25  | 26/NQ-HĐQT                   | 24/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 3 về các nội dung đấu thầu lựa chọn Nhà thầu                  |
| 26  | 27/NQ-HĐQT                   | 24/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 3 về các nội dung đấu thầu lựa chọn Nhà thầu                  |
| 27  | 28/NQ-HĐQT                   | 24/3/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 3 về các nội dung đấu thầu lựa chọn Nhà thầu                  |
| 28  | 29/NQ-HĐQT                   | 01/4/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 3 về các nội dung đấu thầu lựa chọn Nhà thầu                  |
| 29  | 30/NQ-HĐQT                   | 06/4/2022  | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 3 về các nội  |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày      | Nội dung  |
|-----|------------------------------|-----------|---|
|     |                              |           | dung đấu thầu lựa chọn Nhà thầu   |
| 30  | 31/NQ-HĐQT                   | 08/4/2022 | Nghị quyết về phê duyệt chủ trương sửa chữa thường xuyên 03 năm               |
| 31  | 32/NQ-HĐQT                   | 08/4/2022 | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 3 về các nội liên quan đến SXKD                 |
| 32  | 33/NQ-HĐQT                   | 12/4/2022 | Nghị quyết về thông qua các nội dung để trình ĐHCĐ thường niên 2022           |
| 33  | 34/NQ-HĐQT                   | 13/4/2022 | Nghị quyết phiên họp HĐQT thứ 3 về các nội dung đấu thầu lựa chọn Nhà thầu    |
| 34  | 35/NQ-HĐQT                   | 13/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 35  | 36/NQ-HĐQT                   | 13/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 36  | 37/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 37  | 38/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 38  | 39/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 39  | 40/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 40  | 41/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 41  | 42/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 42  | 43/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 43  | 44/NQ-HĐQT                   | 15/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 44  | 45/NQ-HĐQT                   | 22/4/2022 | Nghị quyết về phê duyệt nội dung phụ lục hợp đồng bổ sung gia mua than trộn   |
| 45  | 46/NQ-HĐQT                   | 22/4/2022 | Nghị quyết về phê duyệt quỹ thưởng Ban Điều hành                              |
| 46  | 47/NQ-HĐQT                   | 22/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 47  | 48/NQ-HĐQT                   | 25/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 48  | 49/NQ-HĐQT                   | 25/4/2022 | Nghị quyết về các nội dung liên quan đến kế hoạch SXKD                        |
| 49  | 50/NQ-HĐQT                   | 25/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 50  | 51/NQ-HĐQT                   | 25/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 51  | 52/NQ-HĐQT                   | 25/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 52  | 53/NQ-HĐQT                   | 25/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 53  | 54/NQ-HĐQT                   | 25/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 54  | 55/NQ-HĐQT                   | 26/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 55  | 56/NQ-HĐQT                   | 26/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 56  | 57/NQ-HĐQT                   | 26/4/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 57  | 59/NQ-HĐQT                   | 05/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 58  | 60/NQ-HĐQT                   | 18/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 59  | 61/NQ-HĐQT                   | 18/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 60  | 62/NQ-HĐQT                   | 18/5/2022 | Nghị quyết về giao thực hiện chức trách nhiệm vụ của QĐ Phân xưởng Nhiên liệu |
| 61  | 63/NQ-HĐQT                   | 19/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 62  | 64/NQ-HĐQT                   | 19/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 63  | 65/NQ-HĐQT                   | 19/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 64  | 66/NQ-HĐQT                   | 19/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 65  | 67/NQ-HĐQT                   | 19/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 66  | 68/NQ-HĐQT                   | 23/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                             |
| 67  | 69/NQ-HĐQT                   | 23/5/2022 | Nghị quyết về phê duyệt nội dung phụ lục hợp đồng bổ sung gia mua than trộn   |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày      | Nội dung   |
|-----|------------------------------|-----------|--|
| 68  | 70/NQ-HĐQT                   | 30/5/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 69  | 71/NQ-HĐQT                   | 02/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 70  | 72/NQ-HĐQT                   | 02/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 71  | 73/NQ-HĐQT                   | 12/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 72  | 74/NQ-HĐQT                   | 12/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 73  | 75/NQ-HĐQT                   | 12/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 74  | 76/NQ-HĐQT                   | 12/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 75  | 77/NQ-HĐQT                   | 12/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 76  | 78/NQ-HĐQT                   | 12/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 77  | 79/NQ-HĐQT                   | 13/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 78  | 80/NQ-HĐQT                   | 13/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 79  | 81/NQ-HĐQT                   | 13/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 80  | 82/NQ-HĐQT                   | 22/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 81  | 83/NQ-HĐQT                   | 30/6/2022 | Nghị quyết về thông qua chi trả cổ tức phân còn lại năm 2021 bằng tiền |
| 82  | 84/NQ-HĐQT                   | 30/6/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 83  | 85/NQ-HĐQT                   | 06/7/2022 | Nghị quyết về nội dung Hợp đồng mua bán than năm 2022                  |
| 84  | 86/NQ-HĐQT                   | 09/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 85  | 87/NQ-HĐQT                   | 15/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 86  | 88/NQ-HĐQT                   | 15/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 87  | 89/NQ-HĐQT                   | 15/7/2022 | Nghị quyết về nội dung Hợp đồng mua bán than năm 2022                  |
| 88  | 90/NQ-HĐQT                   | 19/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 89  | 91/NQ-HĐQT                   | 20/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 90  | 92/NQ-HĐQT                   | 22/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 91  | 93/NQ-HĐQT                   | 27/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 92  | 94/NQ-HĐQT                   | 27/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 93  | 95/NQ-HĐQT                   | 27/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 94  | 96/NQ-HĐQT                   | 28/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 95  | 97/NQ-HĐQT                   | 28/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 96  | 98/NQ-HĐQT                   | 29/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 97  | 99/NQ-HĐQT                   | 29/7/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 98  | 100/NQ-HĐQT                  | 01/8/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 99  | 101/NQ-HĐQT                  | 01/8/2022 | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về Ban hành quy chế quản lý nội bộ          |
| 100 | 102/NQ-HĐQT                  | 09/8/2022 | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu      |
| 101 | 103/NQ-HĐQT                  | 09/8/2022 | Nghị quyết về ban hành quy chế quản lý nội bộ                          |
| 102 | 104/NQ-HĐQT                  | 09/8/2022 | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu      |
| 103 | 105/NQ-HĐQT                  | 10/8/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                      |
| 104 | 106/NQ-HĐQT                  | 12/8/2022 | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu      |
| 105 | 107/NQ-HĐQT                  | 12/8/2022 | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về ban hành quy chế quản lý nội bộ          |
| 106 | 108/NQ-HĐQT                  | 12/8/2022 | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu      |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung  |
|-----|------------------------------|------------|---|
| 107 | 109/NQ-HĐQT                  | 12/8/2022  | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về ban hành quy chế quản lý nội bộ             |
| 108 | 110/NQ-HĐQT                  | 12/8/2022  | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu         |
| 109 | 111/NQ-HĐQT                  | 12/8/2022  | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu         |
| 110 | 112/NQ-HĐQT                  | 15/8/2022  | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về ban hành quy định tiết kiệm, chống lãng phí |
| 111 | 113/NQ-HĐQT                  | 15/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 112 | 114/NQ-HĐQT                  | 15/8/2022  | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu         |
| 113 | 115/NQ-HĐQT                  | 15/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 114 | 116/NQ-HĐQT                  | 15/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 115 | 117/NQ-HĐQT                  | 15/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 116 | 118/NQ-HĐQT                  | 15/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 117 | 119/NQ-HĐQT                  | 16/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 118 | 120/NQ-HĐQT                  | 17/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 119 | 121/NQ-HĐQT                  | 17/8/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 120 | 122/NQ-HĐQT                  | 25/8/2022  | Nghị quyết phiên họp thứ 5 về công tác lựa chọn Nhà thầu                  |
| 121 | 123/NQ-HĐQT                  | 30/8/2022  | Nghị quyết về phê duyệt chủ trương và phương án thoái vốn tại NPS         |
| 122 | 124/NQ-HĐQT                  | 01/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 123 | 125/NQ-HĐQT                  | 01/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 124 | 126/NQ-HĐQT                  | 01/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 125 | 127/NQ-HĐQT                  | 05/9/2022  | Nghị quyết Phiên họp thứ 4 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu         |
| 126 | 128/NQ-HĐQT                  | 06/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 127 | 129/NQ-HĐQT                  | 09/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 128 | 130/NQ-HĐQT                  | 09/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 129 | 131/NQ-HĐQT                  | 12/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 130 | 132/NQ-HĐQT                  | 12/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 131 | 133/NQ-HĐQT                  | 13/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 132 | 134/NQ-HĐQT                  | 14/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 133 | 135/NQ-HĐQT                  | 14/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 134 | 136/NQ-HĐQT                  | 15/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 135 | 137/NQ-HĐQT                  | 15/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 136 | 138/NQ-HĐQT                  | 15/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 137 | 139/NQ-HĐQT                  | 15/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 138 | 140/NQ-HĐQT                  | 20/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 139 | 141/NQ-HĐQT                  | 23/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 140 | 142/NQ-HĐQT                  | 26/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 141 | 143/NQ-HĐQT                  | 27/9/2022  | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 142 | 144/NQ-HĐQT                  | 27/9/2022  | Nghị quyết phiên họp thứ 4 về quy chế quản lý nội bộ                      |
| 143 | 145/NQ-HĐQT                  | 05/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 144 | 146/NQ-HĐQT                  | 05/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                         |
| 145 | 147/NQ-HĐQT                  | 07/10/2022 | Nghị quyết về nội dung hợp đồng mua bán than                              |

| STT | Số Nghị quyết/<br>Quyết định | Ngày       | Nội dung  |
|-----|------------------------------|------------|---|
|     |                              |            | năm 2022  |
| 146 | 148/NQ-HĐQT                  | 10/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 147 | 149/NQ-HĐQT                  | 12/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 148 | 150/NQ-HĐQT                  | 13/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 149 | 151/NQ-HĐQT                  | 13/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 150 | 152/NQ-HĐQT                  | 18/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 151 | 153/NQ-HĐQT                  | 18/10/2022 | Nghị quyết về việc phê duyệt quy chế quản lý nội bộ               |
| 152 | 154/NQ-HĐQT                  | 19/10/2022 | Nghị quyết về bổ nhiệm lại cán bộ                                 |
| 153 | 155/NQ-HĐQT                  | 26/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 154 | 156/NQ-HĐQT                  | 28/10/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 155 | 157/NQ-HĐQT                  | 01/11/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 156 | 158/NQ-HĐQT                  | 04/11/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 157 | 159/NQ-HĐQT                  | 04/11/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 158 | 160/NQ-HĐQT                  | 04/11/2022 | Nghị quyết phiên họp thứ 6 về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu |
| 159 | 161/NQ-HĐQT                  | 16/11/2022 | Nghị quyết về bổ nhiệm lại cán bộ                                 |
| 160 | 162/NQ-HĐQT                  | 18/11/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 161 | 163/NQ-HĐQT                  | 25/11/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 162 | 164/NQ-HĐQT                  | 25/11/2022 | Nghị quyết phiên họp thứ 6 về bổ nhiệm lại cán bộ                 |
| 163 | 165/NQ-HĐQT                  | 25/11/2022 | Nghị quyết về hợp đồng mua bán than năm 2022                      |
| 164 | 166/NQ-HĐQT                  | 26/11/2022 | Nghị quyết phiên họp thứ 7 về các nội dung lựa chọn Nhà thầu      |
| 165 | 167/NQ-HĐQT                  | 26/11/2022 | Nghị quyết phiên họp thứ 7 về các nội dung lựa chọn Nhà thầu      |
| 166 | 168/NQ-HĐQT                  | 26/11/2022 | Nghị quyết phiên họp thứ 6 về các nội dung lựa chọn Nhà thầu      |
| 167 | 169/NQ-HĐQT                  | 06/12/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 168 | 170/NQ-HĐQT                  | 15/12/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 169 | 171/NQ-HĐQT                  | 15/12/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 170 | 172/NQ-HĐQT                  | 20/12/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 171 | 173/NQ-HĐQT                  | 20/12/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 172 | 174/NQ-HĐQT                  | 20/12/2022 | Nghị quyết về nội dung hợp đồng mua bán than năm 2023             |
| 173 | 175/NQ-HĐQT                  | 22/12/2022 | Nghị quyết phiên họp thứ 6 về các nội dung lựa chọn Nhà thầu      |
| 174 | 176/NQ-HĐQT                  | 26/12/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 175 | 177/NQ-HĐQT                  | 30/12/2022 | Nghị quyết về phê duyệt giá trị quyết toán SCL năm 2019           |
| 176 | 178/NQ-HĐQT                  | 30/12/2022 | Nghị quyết về công tác đấu thầu lựa chọn nhà thầu                 |
| 177 | 179/NQ-HĐQT                  | 30/12/2022 | Nghị quyết về công tác quản trị rủi ro                            |

Các cuộc họp của HĐQT đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Các thành viên HĐQT Công ty đã tham gia các khóa đào tạo về Quản trị Doanh nghiệp.

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

|    |                                 |  |
|----|---------------------------------|--|
| 1. | <b>Ông Phan Duy An</b>          | + Trưởng BKS<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0%     |
| 2. | <b>Ông Ngô Văn Điện</b>         | + Thành viên BKS<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% |
| 3. | <b>Bà Vũ Thị Hoàng Yến</b>      | + Thành viên BKS<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% |
| 4. | <b>Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp</b>  | + Thành viên BKS<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% |
| 5. | <b>Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm</b> | + Thành viên BKS<br>+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết: 0% |

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Trong năm 2022, Ban Kiểm soát tổ chức họp kỳ 3, 4 năm 2021 (từ ngày 21/3/2022); kỳ 1 năm 2022 (từ ngày 18/7/2022).
- Ban kiểm soát đã tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị để nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Ban kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, giám sát tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh năm 2021 và rà soát các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông năm 2022 của Công ty, kết quả hoạt động 6 tháng đầu năm 2022. Hoạt động của Hội đồng quản trị tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Ban Tổng giám đốc Công ty đã và đang triển khai thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị.

## 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát năm 2022:

|     |                          |               |     |
|-----|--------------------------|---------------|-----|
| 1.  | Ông Nguyễn Tuấn Anh      | 1.000.040.289 | VND |
| 2.  | Ông Ngô Sinh Nghĩa       | 1.044.734.426 | VND |
| 3.  | Ông Nguyễn Việt Dũng     | 930.856.956   | VND |
| 4.  | Ông Lê Việt Cường        | 878.590.144   | VND |
| 5.  | Ông Nguyễn Quang Huy     | 203.020.000   | VND |
| 6.  | Ông Đặng Huy Vũ          | 203.020.000   | VND |
| 7.  | Ông Trần Đức Hùng        | 90.286.667    | VND |
| 8.  | Bà Nguyễn Thị Hồng Loan  | 112.733.333   | VND |
| 9.  | Ông Phan Duy An          | 179.190.323   | VND |
| 10. | Ông Ngô Văn Điện         | 193.420.000   | VND |
| 11. | Bà Vũ Thị Hoàng Yến      | 193.420.000   | VND |
| 12. | Bà Nguyễn Thị Ngọc Diệp  | 193.420.000   | VND |
| 13. | Bà Hồ Nguyễn Phương Trâm | 193.420.000   | VND |



b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Phụ lục chi tiết đính kèm.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ:

- Giao dịch với cổ đông nội bộ có liên quan năm 2022:

+ Giao dịch với Tập đoàn Điện lực Việt Nam:

- Mua điện: 43,50 tỷ đồng;
- Chi phí lãi vay: 70,26 tỷ đồng;
- Công ty Mua bán điện: Doanh thu bán điện: 10.409,68 tỷ đồng.
- Chi phí dịch vụ: Công ty Truyền tải Điện 1: 3,09 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc: 0,13 tỷ đồng; Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin: 0,25 tỷ đồng; Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP: 28,74 tỷ đồng.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Tuân thủ các quy định liên quan của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

## **VI. Báo cáo tài chính**

### **1. Ý kiến kiểm toán:**

Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán của Công ty (*chi tiết kèm theo*) cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/12/2022 được lập đúng theo các quy định hiện hành của pháp luật về kế toán và kiểm toán (bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động SXKD; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính).

Trân trọng./.

### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- <http://www.quangninhtpc.com.vn>;
- Lưu: VT, KHVT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Ngô Sinh Nghĩa**

**Phụ lục****GIAO DỊCH CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ**

| <b>STT</b> | <b>Tên tổ chức, cá nhân</b> | <b>Mối quan hệ với Công ty</b> | <b>Số Giấy NSH</b> | <b>Địa chỉ trụ sở chính</b> | <b>Thời điểm giao dịch</b> | <b>Số Nghị quyết /Quyết định</b> | <b>Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch</b> | <b>Chi chú</b> |
|------------|-----------------------------|--------------------------------|--------------------|-----------------------------|----------------------------|----------------------------------|---|----------------|
| 1          | Nguyễn Quang Huy            | Thành viên HĐQT                |                    |                             | 09/02/2022                 |                                  | 10.000  |                |